

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **505/2019/KDTM-PT**

Ngày: 30/05/2019

V/v “Chậm thực hiện nghĩa vụ
dân sự”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Thẩm phán: 1. Bà Phùng Thị Ngọc Mai.
2. Bà Lưu Thị Đoan Trang.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tâm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyến – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/05/2019 và ngày 30/5/2019, tại Phòng xử án Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số
57/KDTM-PT ngày 05/03/2019, về việc: “Chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 122/2018/KDTM-ST ngày
21/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận K bị kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm
sát nhân dân Quận K kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1477/2019/QĐXX-PT
ngày 29/03/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1992/2019/QĐ-PT ngày
22/04/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần HB

Trụ sở: 235 đường V, phường K, Quận T, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền ông Phạm VA và bà Đặng THM theo giấy ủy quyền
được lập ngày 09/04/2019.

Đồng bị đơn: 1. Công ty Cổ phần PK

Trụ sở: Phòng 507A , Tầng 5 Tòa nhà A, Đường T, phường Đ, Quận K, Thành
phố H.

Đại diện theo ủy quyền ông Mai LP theo giấy ủy quyền ngày 03/04/2019.

2. Ông Hsieh KL

Địa chỉ: Số 05 đường C, phường N, Quận T, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền ông Mai LP theo giấy ủy quyền được lập ngày
07/05/2019.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh TM

Địa chỉ: 341/17C đường L, phường F, Quận E, Thành phố H. (Vắng mặt)

2. Ông Trần ĐQ (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 444 đường N, Phường U, Quận E, Thành phố H.

3. Bà Đặng AC (Vắng mặt)

Địa chỉ: 84 đường N, Khu phố F, phường B, Quận Y, Thành phố H.

4. Ông Hsieh KL

Địa chỉ: Số 05 đường C, phường N, Quận T, Thành phố H

Đại diện theo ủy quyền ông Mai LP theo giấy ủy quyền được lập ngày 07/05/2019. Đại diện theo ủy quyền ông Mai LP theo giấy ủy quyền được lập ngày 07/05/2019.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Hsieh KL và Luật sư Vũ KH luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Ông Huỳnh TM và bà Đặng AC và ông Trần ĐQ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các biên bản không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành được phiên hòa giải, người khởi kiện trình bày:

Ngày 22/8/2012, Công ty Cổ phần HB (sau đây gọi là Công ty HB) và Công ty Cổ phần PK (sau đây gọi là Công ty PK) có ký hai Bản nhận thầu công trình (sau đây gọi là Hợp đồng) để giao nhận thầu thi công xây dựng một số công trình thuộc Dự án F HT, tại Khu kinh tế V, huyện K, tỉnh H do Công ty TNHH HN làm Chủ đầu tư dự án. Theo đó, PK giao và HB nhận thi công các công trình:

Khu Ký túc xá nhân viên (tên gọi khác là Khu ký túc xá Công nhân) dãy: K,L,M,N (sau đây gọi tắt là: “Hợp đồng KLMN”) với giá trị là 600.000.000.000 đồng; và Khu Ký túc xá chủ quản (tên gọi khác là Khu ký túc xá Cán bộ) dãy: F,G,H,J (sau đây gọi tắt là: “Hợp đồng FGHIJ”) với giá trị là 480.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào 01/6/2013, các bên ký tiếp hợp đồng xây dựng thứ ba, theo đó, PK giao và HB nhận thầu thi công xây dựng công trình Tòa nhà hành chính với giá trị là 191.345.000.000 đồng. Tuy nhiên, Hợp đồng này đã được các bên thỏa thuận nơi giải quyết tranh chấp là Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) và tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này đã được các bên giải quyết bởi VIAC theo phán quyết ngày 17/02/2017 nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng nhận thầu thi công xây dựng công trình Tòa nhà hành chính.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng KLMN và Hợp đồng FGHIJ nói trên, theo mỗi giai đoạn thanh toán, HB đã thực hiện hoàn thành các nghĩa vụ của mình theo các Hợp đồng đã ký. Tuy nhiên, PK đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tương ứng cho HB theo quy định của các Hợp đồng nêu trên. Do việc PK không thanh toán cho HB đã làm ảnh hưởng đến tiến độ chung của Dự án nên Chủ đầu tư Dự án đã thu hồi lại một phần các công việc mà Chủ đầu tư dự án đã ký hợp đồng với PK để trực tiếp ký giao cho HB thi công để hoàn thành các Hợp đồng này.

Sau nhiều lần thương lượng, ngày 14/01/2015 giữa HB và Bên B (gồm PK và Ông Hsieh KL) đã ký Biên bản thỏa thuận (sau đây gọi tắt là: “Biên Bản Thỏa Thuận ngày 14/01/2015”) để chốt lại toàn bộ công nợ của PK đối với HB của Hợp đồng nêu trên. Theo đó, PK còn nợ HB tổng số tiền của các Hợp đồng là: 175.877.756.824 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 157.915.445.981 đồng và tiền nợ lãi thống nhất đến ngày 14/01/2015 là: 17.962.310.843 đồng. Bao gồm: hợp đồng Hợp đồng KLMN nợ gốc 61.859.475.701 đồng, nợ lãi 6.927.608.314 đồng; Hợp đồng FGHIJ nợ gốc 84.279.476.596 đồng nợ lãi 9.715.859.543 đồng; Hợp đồng nhà hành chính nợ gốc 11.776.493.684 đồng; nợ lãi 1.318.842.985 đồng.

Các bên cũng thống nhất kế hoạch trả toàn bộ các khoản tiền nợ gốc và nợ lãi trên đây của Bên B cho HB (tại mục 2 và mục 3 của Biên Bản Thỏa Thuận ngày 14/01/2015) và để đảm bảo việc Bên B thực hiện trả nợ đúng kế hoạch, các bên cũng thỏa thuận nếu Bên B vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào thì sẽ phải chịu lãi chậm thanh toán theo lãi suất 1%/tháng cho toàn bộ tổng số tiền còn nợ là: 175.877.756.824 đồng tính từ ngày 14/01/2015 cho đến khi trả nợ đầy đủ cho HB (tại mục 6 của Biên bản thỏa thuận ngày 14/01/2015).

Thực hiện Biên Bản Thỏa Thuận ngày 14/01/2015, Bên B đã lựa chọn phương án trả nợ theo mục 2 của Biên Bản Thỏa Thuận ngày 14/01/2015 và mới trả được số tiền 157.915.445.981 đồng vào 16 đợt đầu nhưng trong quá trình trả nợ, Bên B lại liên tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, nhiều lần chậm trễ trả nợ theo kế hoạch đã cam kết trong Biên bản thỏa thuận ngày 14/01/2015 và các công văn gửi HB về cam kết trả nợ.

Cho đến nay, bị đơn vẫn còn nợ nguyên đơn 16.643.467.857 đồng, do Bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết với nguyên đơn theo quy định tại mục 6 của Biên bản thỏa thuận ngày 14/01/2015 với số tiền lãi chậm là 1%/tháng x 175.877.756.824 đồng x 46 tháng (là khoảng thời gian từ ngày 14/01/2015 đến nay) thì tiền lãi chậm trả khoảng 74.000.000.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là trên 90.000.000.000 đồng.

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc bị đơn phải trả một lần toàn bộ số tiền yêu cầu 35.264.956.708 đồng ngay khi bản án có hiệu lực cùng tiền lãi chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 hiện hành tính từ ngày tiếp theo ngày Tòa xét xử cho toàn bộ số tiền yêu cầu được chấp thuận.

Theo bản tự khai, các Biên bản không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản không tiến hành được phiên hòa giải, bị đơn trình bày:

Theo Đơn khởi kiện ngày 23/02/2017, Công ty HB yêu cầu Tòa án buộc PK và Ông Hsieh KL (Ông L) phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho HB bao gồm cả nợ và lãi phát sinh tạm tính đến hết ngày 14/02/2017 là 34.524.541.748 đồng, bị đơn có ý kiến như sau:

Thống nhất ý kiến của nguyên đơn về việc khoản nợ 175.877.756.824 đồng được xác định theo Biên bản thỏa thuận ngày 14/01/2015 đã được bị đơn

đã thực hiện trả cho nguyên đơn một phần một khoản nợ này là nợ gốc và đến nay vẫn còn nợ chưa trả cho nguyên đơn số tiền: 16.643.467.857 đồng (đây là một phần của khoản nợ lãi đã thống nhất 17.962.310.843 đồng đã thống nhất, đã được giải quyết một phần theo Phán quyết của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) về số tiền nợ: 1.318.842.985 đồng). Cho đến nay, bị đơn vẫn còn nợ chưa trả Nguyên đơn 16.643.467.857 đồng.

Về Khoản tiền nợ 16.643.467.858 đồng: Đây là số tiền nợ lãi phát sinh từ nợ gốc của Hợp đồng KLMN và Hợp đồng FGHI (6.927.608.314 đồng + 9.715.859.543 đồng) theo phân bổ của nguyên đơn đã nêu tại Đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2017. Số tiền này (16.643.467.858 đồng) là một phần trong số tiền nợ lãi 17.962.310.843 đồng được nêu tại Biên bản thỏa thuận ngày 14/01/2015 cho ba hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn (bao gồm 02 Hợp đồng đang tranh chấp và Hợp đồng thi công công trình tòa nhà hành chính). Vì đây là số tiền nợ lãi chứ không phải là nợ gốc và hiện tại Bị đơn đang gặp nhiều khó khăn về tài chính, với quá trình hợp tác và thiện chí lâu dài giữa hai bên, bị đơn chỉ đồng ý và đề nghị nguyên đơn chấp nhận giảm nợ lãi cho bị đơn theo mức lãi suất tiền gửi vào thời điểm hiện tại là 6,5%/1 năm đến 7,2%/1 năm.

Về Khoản tiền lãi phát sinh từ khoản tiền nợ: Thực chất, khoản tiền nợ 16.643.467.858 đồng nêu trên là khoản tiền nợ lãi chứ không phải là nợ gốc. Vào thời điểm ký kết Biên Bản Thỏa Thuận ngày 14/01/2015, hai bên đã chốt tiền lãi là 17.962.310.843 đồng cho cả 03 hợp đồng. Việc tính lãi trên số tiền nợ lãi theo yêu cầu của nguyên đơn được xem là lãi nhập gốc (hay còn gọi là lãi mẹ đẻ lãi con) là trái tinh thần của Bộ luật Dân sự 2005. Yêu cầu khởi kiện đối với khoản lãi này là không có căn cứ và không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Một phần khoản tiền lãi phát sinh từ khoản tiền nợ gốc dư nợ giảm dần; Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Biên Bản Thỏa Thuận ngày 14/01/2015, bị đơn nhận thấy bị đơn đã cố gắng trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình. Tuy có một số đợt thanh toán không được bị đơn thanh toán đúng hạn nhưng việc này là nằm ngoài ý muốn của bị đơn do trong thời gian này, bị đơn gặp nhiều khó khăn về tài chính. Việc bị đơn thực hiện đầy đủ việc thanh toán toàn bộ nợ gốc cho thấy nỗ lực rất lớn của bị đơn. Vì lý do trên, bị đơn đề nghị nguyên đơn không tính lãi này đối với bị đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn và Ông Hsieh KL liên đới chịu trách nhiệm trả nợ theo biên bản thỏa thuận ngày 14 tháng 01 năm 2015 cho Công ty Cổ phần HB.

Bị đơn không chấp nhận việc tính lãi của nguyên đơn.

Bản án số 122/2018/KDTM-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận K đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần HB. Buộc Công ty Cổ phần PK thanh toán số tiền nợ 35.264.956.708 (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ hai trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ tám) đồng cho Công ty Cổ phần HB ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần HB buộc Ông Hsieh KL liên đới chịu trách nhiệm cùng Công ty Cổ phần PK trả nợ theo biên bản thỏa thuận ngày 14 tháng 01 năm 2015 cho Công ty Cổ phần HB.

3. Kể từ ngày Công ty Cổ phần HB có đơn yêu cầu thi hành án nếu, chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Công ty Cổ phần PK phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/12/2018, đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần PK ông Trần ĐQ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;
- Đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc tuyên Mục 6 của Biên bản thỏa thuận ngày 14/01/2015 là vô hiệu và bác yêu cầu tính lãi của nguyên đơn theo cách tính lãi dư nợ giảm dần do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Biên bản thỏa thuận ngày 14/01/2015.
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Hsieh KL có ông Mai LP làm đại diện theo ủy quyền không có ý kiến.
- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng nguyên đơn căn cứ vào Mục 6 của Biên bản thỏa thuận ngày 14/01/2015 để tính lãi là lãi chồng lãi vì Điều 6 của thỏa thuận này là thỏa thuận trái với quy định của pháp luật. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Mục 6 của biên bản thỏa thuận vô hiệu và không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý hồ sơ đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về thời gian giải quyết vụ án chưa đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 74, Điều 199, Điều 200, Điều, 201 Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H rút một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận K, cụ thể: Rút phần kháng nghị lãi chồng lãi, rút phần kháng nghị buộc nguyên đơn chịu án phí trên yêu cầu buộc Ông Hsieh KL liên đới chịu trách nhiệm cùng Công ty Cổ phần PK để trả nợ. Đề nghị hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về việc áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tuyên xử vắng mặt đối với Ông Hsieh KL và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự;

Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

Sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận K, cụ thể rút phần kháng nghị lãi chồng lãi, rút phần kháng nghị buộc nguyên đơn chịu án phí trên yêu cầu buộc Ông Hsieh KL liên đới chịu trách nhiệm cùng Công ty Cổ phần PK trả nợ, do đó đình chỉ xét xử phúc thẩm phần này.

[2] Về nội dung: Bị đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tuyên Mục 6 của Biên bản thỏa thuận ngày 14/01/2015 là vô hiệu vì lãi chồng lãi và bác yêu cầu tính lãi của nguyên đơn theo cách tính lãi dư nợ giảm dần do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Biên bản thỏa thuận ngày 14/01/2015. Đây là vấn đề cần xem xét.

[2.1]. Xét thấy tại Mục 6 của Biên bản thỏa thuận ngày 14/01/2015 các bên thỏa thuận: “Trường hợp bên B chậm thanh toán so với tiến độ thanh toán ở mục 2 (hoặc tại mục 3) nêu trên, bên B sẽ phải chịu lãi chậm thanh toán với lãi suất 1%/tháng trên toàn bộ số tiền nợ theo Mục 1 (175.877.756.824 đồng) kể từ ngày 14/01/2015 cho đến khi hoàn trả đầy đủ số tiền 175.877.756.824 đồng này”. Việc thỏa thuận Mục 6 tại Biên bản thỏa thuận ngày 14/01/2015 do đại diện theo pháp luật của Công ty HB và Công ty PK đã ký xác nhận và đóng dấu là thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật. Mức lãi 1% theo Mục 6 của biên bản thấp hơn mức lãi trung bình của 3 ngân hàng thương mại trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm mà cấp sơ thẩm đã thu thập. Do đó, thỏa thuận này là không trái với Điều 306 Luật Thương mại. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng xác nhận đã thanh toán được 157.915.445.918 đồng trong tổng số tiền nợ 175.877.756.824 đồng nhưng không có bất kỳ sự thỏa thuận nào giữa hai bên về việc số tiền lãi 16.643.467.857 đồng được trừ vào số tiền đã thanh toán. Do đó, không có cơ sở trừ số tiền lãi 16.643.467.857 đồng và số tiền đã thanh toán.

[2.2]. Bị đơn cho rằng không có sự thỏa thuận nào về cách tính lãi theo dư nợ giảm dần. Tuy nhiên, nếu theo Mục 6 tại Biên bản thỏa thuận ngày 14/01/2015 thì số tiền lãi thực tế mà bị đơn phải chịu do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cụ thể: $(1\%/tháng \times 162.782.420.154 \text{ đồng} \times 46 \text{ tháng}) = 74.879.913.271$

đồng. Tuy nhiên Công ty Cổ phần HB chỉ yêu cầu Công ty Cổ phần PK thanh toán số tiền lãi là 18.621.488.851 đồng là có lợi cho Công ty Cổ phần PK.

[2.3] Từ những nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Xét, cấp sơ xét xử vắng mặt bị đơn là Ông Hsieh KL và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần ĐQ, ông Huỳnh Tấn Mạnh, bà Đặng AC và Ông Hsieh KL mà không áp dụng Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 là còn thiếu sót. Do đó, chấp nhận kháng nghị phần này của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận K. Tuy nhiên, đây là sai sót không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên không cần thiết sửa bản án sơ thẩm, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H đề nghị bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Giữ nguyên án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những phân tích trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần lãi chồng lãi và phần yêu cầu buộc Ông Hsieh KL liên đới chịu trách nhiệm thanh toán nợ cho nguyên đơn do Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H rút một phần kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 05/12/2018 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận K. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần PK. Giữ nguyên bản án sơ thẩm với nội dung:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần HB. Buộc Công ty Cổ phần PK thanh toán số tiền nợ 35.264.956.708 (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ hai trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ tám) đồng cho Công ty Cổ phần HB.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần HB buộc Ông Hsieh KL liên đới chịu trách nhiệm cùng Công ty Cổ phần PK trả nợ theo biên bản thỏa thuận ngày 14 tháng 01 năm 2015 cho Công ty Cổ phần HB.

1.3. Kể từ ngày Công ty Cổ phần HB có đơn yêu cầu thi hành án nếu, chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Công ty Cổ phần PK phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền tính trên nghĩa vụ thanh toán. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần PK phải chịu án phí là 143.264.957 (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi ba triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn chín trăm năm mươi bảy) đồng.

Công ty Cổ phần HB không phải chịu án phí. Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Công ty Cổ phần HB là 69.723.000 đồng (Sáu mươi chín triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/07564 ngày 03/4/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K, Thành phố H.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần PK phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Cấn trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà Công ty Cổ phần PK đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2017/0026429 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần PK đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Việc thi hành được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- TAND Quận K;
- Chi cục THADS Quận K;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thùy Dung